

Số: 389/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác
định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 198/TTr-SNV ngày
24 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ,
thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng thực hiện chế độ báo
cáo; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Như Điều 3;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TP, PTP, CVP P. Nội chính;
- P. THCB-KSTTHC (Nhưng);
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Tuấn

DANH MỤC
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NGÀNH NỘI VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số: 389/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
I		Lĩnh vực tổ chức bộ máy và biên chế					
1	1	Báo cáo về vị trí việc làm và biên chế công chức	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 10/01 năm liền kề năm báo cáo)		Thực hiện theo Điều 5 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ.
2	2	Báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 10/01 năm liền kề năm báo cáo)		

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo	
				Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn		
II	Lĩnh vực công chức, viên chức						
3	1	Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương của cán bộ, công chức	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; các cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 30/01 năm liền kề năm báo cáo)		Thực hiện theo Điều 6 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ
4	2	Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương của viên chức	Cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội cấp tỉnh (đối với Hội được giao số lượng người làm việc); UBND huyện, thành phố.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 30/01 năm liền kề năm báo cáo)		

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
5	3	Báo cáo kết quả nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn hằng năm (bao gồm cả trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và nâng bậc lương trước thời hạn trong trường hợp đã có thông báo nghỉ hưu)	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 15/10 hằng năm)		Thực hiện theo Điều 8 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
6	4	Báo cáo cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý doanh nghiệp nghỉ hưu đúng tuổi (đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy và	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 01/11 hằng năm)		Thực hiện theo Điều 12 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
		Ban Thường vụ Tỉnh ủy (theo phân cấp)	cấp tỉnh; doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; UBND huyện, thành phố.				Tuyên Quang và Phụ lục số 5 (Mẫu đề cương báo cáo; Biểu số 001/CCVC) kèm theo Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
III		Lĩnh vực chính quyền địa phương					
7	1	Báo cáo về lĩnh vực chính quyền địa phương	UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Ngày 17/12 năm báo cáo)	UBND cấp huyện (Ngày 16/12 năm báo cáo)	Thực hiện theo Điều 4 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
IV		Lĩnh vực cải cách hành chính					
8	1	Báo cáo công tác cải cách hành chính hằng quý (quý I, quý II, quý III, quý IV)	Cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn.	Hằng quý	Sở Nội vụ (Ngày 17 của tháng cuối quý)	UBND cấp huyện (Ngày 16 của tháng cuối quý)	Thực hiện theo Điều 4 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ
9	2	Báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng		6 tháng	Sở Nội vụ (Ngày 17/6 hằng năm)	UBND cấp huyện (Ngày 16/6 hằng năm)	
10	3	Báo cáo công tác cải cách hành chính năm		Hằng năm	Sở Nội vụ (Ngày 17/12 hằng năm)	UBND cấp huyện (Ngày 16/12 hằng năm)	
V		Lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức					
11	1	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 15/01 của năm liền kề năm báo cáo)		Thực hiện theo Điều 9 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/ QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
			Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn.				Tuyên Quang và Phụ lục số 2 (các Biểu số: 001/ĐTBD, 002/ĐTBD, 003/ĐTBD) kèm theo Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
VI		Lĩnh vực đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức					
12	1	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn.	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 31/01 năm liền kề năm báo cáo)	UBND cấp huyện (Trước ngày 30/01 năm liền kề năm báo cáo)	Thực hiện theo Điều 11 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 4 (các Biểu số 001/ĐGXL và 002/ĐGXL) kèm theo Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
				Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
VII						
Lĩnh vực quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ						
13	1	Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ ở địa phương	Quỹ xã hội cấp tỉnh; Quỹ từ thiện cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 20/12 hằng năm)	
						Thực hiện theo Điều 7 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ
14	2	Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các hội ở địa phương	Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 20/12 hằng năm)	
						Thực hiện theo Điều 7 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo	
				Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn		
						BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ	
VIII		Lĩnh vực công tác thanh niên					
15	1	Báo cáo về công tác thanh niên	Cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có trách nhiệm báo cáo về công tác thanh niên	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Ngày 17/12 hằng năm)	UBND cấp huyện (Ngày 16/12 hằng năm)	Thực hiện theo Điều 4 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ
IX		Lĩnh vực khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức					
16	1	Báo cáo kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; cơ quan chuyên môn, cơ quan	01 lần/năm	Sở Nội vụ (Trước ngày 30/01 của năm liền kề năm báo cáo)		Thực hiện theo Điều 10 Quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên

STT		Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo/thời hạn gửi báo cáo		Văn bản QPPL quy định chế độ báo cáo
					Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố	Đối với UBND xã, phường, thị trấn	
			QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố.				Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 3 (Biểu số 001/XLKL) kèm theo Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
X		Chế độ thông tin, báo cáo ngành Nội vụ					
17	1	Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm ngành Nội vụ	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; các cơ quan chuyên môn, cơ quan QLNN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn.	6 tháng	Sở Nội vụ (Ngày 17/6 hằng năm)	UBND cấp huyện (Ngày 16/6 hằng năm)	Thực hiện theo Điều 4 Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Phụ lục số 1 kèm theo Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
18	2	Báo cáo kết quả tổng kết công tác năm, năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm (liên kê) của ngành Nội vụ		Hằng năm	Sở Nội vụ (Ngày 17/12 hằng năm)	UBND cấp huyện (Ngày 16/12 hằng năm)	